TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 15** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2025/KDTM-ST
Ngày: 30 – 7 – 2025
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 15 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Thiện

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Mỹ Dung

2. Ông Nguyễn Văn Minh

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Huỳnh Thảo Vy - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện viện kiểm sát nhân dân Khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa***: Bà Đặng Thị Thanh Trúc - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 100/2024/TLST - KDTM ngày 29/8/2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2025/QĐXXST-KDTM ngày 17 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên toà số 01/2025/QĐST-KDTM ngày 24/7/2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V (V1); Địa chỉ trụ sở chính: H L, phường L, quận Đ (nay là phường Đ), Thành phố Hà Nội; địa chỉ liên hệ: Tầng A Tòa nhà A, số I C, Phường D, Quận C (nay là phường B), Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền:

Ông Nguyễn Huy H; chức vụ: Chuyên viên XLN. Có mặt

Địa chỉ liên hệ: Tầng A Tòa nhà A, số I C, Phường D, Quận C (nay là phường B), Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Công ty TNHH T; Địa chỉ trụ sở: Số C đường N, Tổ G, Khu phố E, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường P, Thành phố Hồ Chí Minh). Vắng mặt

Người đại diện theo pháp luật: Bà Võ Thị Ngọc Q; Chức vụ: Chủ tịch công ty kiêm giám đốc.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Võ Thị Ngọc Q, sinh năm 1993. HKTT: Thôn L, xã A, huyện L, tỉnh Quảng Bình (nay là xã L, tỉnh Quảng Trị). địa chỉ liên hệ: Số C đường N, Tổ G, Khu phố E, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường P, Thành phố Hồ Chí Minh). Vắng mặt

3.2. Ông Võ Văn N, sinh năm 1999. HKTT: Thôn L, xã A, huyện L, tỉnh Quảng Bình (nay là xã L, tỉnh Quảng Trị). địa chỉ liên hệ: Số C đường N, Tổ G, Khu phố E, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường P, Thành phố Hồ Chí Minh). Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện và tại phiên toà, đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày:***

Công ty TNHH T (gọi tắt là Công ty T) đã vay vốn tại Ngân hàng TMCP V - V1 - Chi nhánh G theo Hợp đồng cho vay số: EGV/23110 ngày 20/04/2023 và các khế ước nhận nợ liên quan, với tổng số tiền nhận nợ là 439.000.000đồng (bằng chữ: bốn trăm ba mươi chín triệu đồng); Mục đích sử dụng vốn: Bổ sung vốn lưu động phục vụ bán buôn tổng hợp; Thời hạn cho vay: 06 tháng tính từ ngày 21/04/2023 đến ngày 15/10/2023; Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là 19.3%/năm.

Để bảo đảm cho các khoản vay trên, Công ty TNHH T đã thống nhất áp dụng các biện pháp bảo đảm sau: Bà Võ Thị Ngọc Q và ông Võ Văn N đã ký Hợp đồng bảo lãnh số EGV/23110/HDBL ngày 20/04/2023: Bằng toàn bộ tài sản, uy tín và trách nhiệm của mình, Bên Bảo lãnh (Bà Võ Thị Ngọc Q và ông Võ Văn N) cam kết và đồng ý bảo lãnh vô điều kiện, không hủy ngang cho Bên Được Bảo Lãnh (Công ty T) trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ hiện tại và nghĩa vụ tương lai bao gồm trả nợ gốc, lãi, các khoản phí, các khoản phạt, các khoản bồi thường, thiệt hại, các khoản phải trả và tất cả các nghĩa vụ tài chính khác của Bên Được Bảo Lãnh đối với Bên Ngân Hàng phát sinh từ tất cả các Văn Kiện Tín Dụng được xác lập bởi Bên Được Bảo Lãnh và/hoặc được ký kết giữa Bên Được Bảo Lãnh với Bên Ngân Hàng và bên liên quan khác (nếu có).

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ cho V1 theo các Hợp đồng đã ký kết. Vì vậy, toàn bộ nghĩa vụ của Công ty T đã bị chuyển sang nợ quá hạn kể từ ngày 15/07/2023.

V1 đã nhiều lần liên hệ làm việc với Công ty TNHH T để yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay, thực hiện cam kết nhưng Công ty TNHH T cố tình kéo dài thời gian nhằm trốn tránh việc thực hiện nghĩa vụ trả toàn bộ khoản nợ của Công ty T cho V1.

Tạm tính đến ngày 24/07/2025, Công ty TNHH T còn nợ các khoản sau tại V1:

- Tổng nợ gốc: 435.798.196 đồng;

- Nợ lãi trong hạn: 6.833.915 đồng;

- Nợ lãi quá hạn: 234.845.371 đồng;

- Lãi chậm trả: 1.387.378 đồng.

Tổng: 678.864.860 đồng (Bằng chữ: Sáu trăm bảy mươi tám triệu tám trăm sáu mươi bốn nghìn tám trăm sáu mươi đồng).

Do Công ty TNHH T vi phạm nghĩa vụ thanh toán đã thoả thuận tại hợp đồng tín dụng đã ký. Vì vậy, nguyên đơn là Ngân hàng TMCP V yêu cầu Toà án giải quyết các yêu cầu như sau:

1. Buộc Công ty TNHH T có trách nhiệm thanh toán ngay một lần toàn bộ số nợ còn thiếu cho V1 tính đến hết ngày 24/07/2025, cụ thể:

- Tổng nợ gốc: 435.798.196 đồng;

- Nợ lãi trong hạn: 6.833.915 đồng;

- Nợ lãi quá hạn: 234.845.371 đồng;

- Lãi chậm trả: 1.387.378 đồng;

Tổng: 678.864.860 đồng (Bằng chữ: Sáu trăm bảy mươi tám triệu tám trăm sáu mươi bốn nghìn tám trăm sáu mươi đồng)

2. Kể từ ngày 25/07/2025, Công ty TNHH T vẫn phải tiếp tục chịu lãi quá hạn, lãi chậm trả lãi theo các hợp đồng tín dụng và các hợp đồng, văn bản đã ký nêu trên cho tới khi thanh toán xong toàn bộ số nợ vay cho V1.

3. Trong trường hợp Công ty TNHH T không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ nợ vay cho V1, thì bà Võ Thị Ngọc Q và ông Võ Văn N phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh trả nợ thay cho Công ty TNHH T theo Hợp đồng bảo lãnh số EGV/23110/HDBL ngày 20/04/2023 đã ký với V1.

** Bị đơn là Công ty TNHH T vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không cử người đại diện hợp pháp tham gia tố tụng, không gửi văn bản trình bày ý kiến và không nộp tài liệu chứng cứ cho Toà án hoặc nguyên đơn.*

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là bà Võ Thị Ngọc Q và ông Võ Văn N vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không cử người đại diện hợp pháp tham gia tố tụng, không gửi văn bản trình bày ý kiến và không nộp tài liệu chứng cứ cho Toà án hoặc nguyên đơn.*

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã xác định đúng quan hệ "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" theo quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự; thụ lý và giải quyết đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vụ án được thụ lý và ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử là đúng thời hạn theo điểm a khoản 1 Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong thời hạn chuẩn bị xét xử Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trình tự thụ lý, việc xác minh, thu thập và giao nhận chứng cứ, các văn bản tố tụng đầy đủ đúng trình tự theo quy định của pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nhận thấy, phía nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình.

Về nội dung giải quyết tranh chấp: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, qua ý kiến của đương sự có mặt tại phiên toà, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Về kiến nghị bổ sung: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. *Về tố tụng*:

[1.1]. Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V (viết tắt là V1) là loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là Công ty TNHH T (viết tắt là Công ty T) có trụ sở tại phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường P, Thành phố Hồ Chí Minh) nên căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.2] Về sự tham gia phiên tòa của đương sự: Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên toà xét xử vụ án nhưng vắng mặt đến lần thứ hai mà không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu thanh toán số tiền gốc và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký, Hội đồng xét xử xét thấy: Giữa V1 và Công ty T đã ký kết Hợp đồng cho vay số EGV/23110 ngày 20/04/2023. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, các bên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, hợp đồng tín dụng được ký kết trên cơ sở tự nguyện giữa các bên, các thỏa thuận trong hợp đồng không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội

và phù hợp quy định tại các Điều 91 và Điều 94 của Luật Các tổ chức tín dụng nên hợp đồng đã phát sinh hiệu lực, các thỏa thuận trong hợp đồng có giá trị thi hành đối với các bên.

[3]. Thực hiện theo hợp đồng tín dụng đã ký, V1 đã giải ngân cho Công ty T tổng số tiền cho vay đã thoả thuận. Tuy nhiên, sau khi được giải ngân số tiền vay, Công ty T đã vi phạm nghiêm trọng thoả thuận về việc thanh toán nợ gốc, nợ lãi. Tính đến ngày 24/07/2025, Công ty T còn nợ V1 tổng số tiền 678.864.860 đồng (Bằng chữ: Sáu trăm bảy mươi tám triệu tám trăm sáu mươi bốn nghìn tám trăm sáu mươi đồng). Trong đó gồm: Nợ gốc: 435.798.196 đồng; Nợ lãi trong hạn: 6.833.915 đồng; Nợ lãi quá hạn: 234.845.371 đồng; Lãi chậm trả: 1.387.378 đồng. Vì vậy, V1 khởi kiện yêu cầu Công ty T phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi theo thoả thuận tại hợp đồng tín dụng đã ký là có căn cứ chấp nhận.

[4]. Căn cứ Án lệ số 08/2016/AL về xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm được lựa chọn từ Quyết định giám đốc thẩm số 12/2013/KDTM-GĐT ngày 16/5/2003 của Tòa án nhân dân tối cao và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA17 tháng 10 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao thì từ ngày 25/7/2025, Công ty T tiếp tục phải trả lãi phát sinh cho V1 trên số dư nợ gốc theo mức lãi suất được các bên thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi trả xong nợ.

[5]. Xét nội dung bảo lãnh, Hội đồng xét xử nhận thấy: Theo Hợp đồng bảo lãnh số EGV/23110/HDBL ngày 20/04/2023 thể hiện: Bà Võ Thị Ngọc Q và ông Võ Văn N cam kết và đồng ý bảo lãnh vô điều kiện, không hủy ngang cho bên được Bảo L (Công ty T) trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ hiện tại và nghĩa vụ tương lai bao gồm trả nợ gốc, lãi, các khoản phí, các khoản phạt, các khoản bồi thường, thiệt hại, các khoản phải trả và tất cả các nghĩa vụ tài chính khác của bên được bảo lãnh đối với bên Ngân hàng phát sinh từ tất cả các Văn Kiện Tín Dụng được xác lập bởi Bên Được Bảo Lãnh và/hoặc được ký kết giữa Bên Được Bảo Lãnh với Bên Ngân Hàng và bên liên quan khác (nếu có). Vì vậy, V1 khởi kiện yêu cầu bà Võ Thị Ngọc Q và ông Võ Văn N thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh trả nợ thay cho Công ty T trong trường hợp Công ty T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6]. Tại phiên tòa, quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7]. Từ các nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP V đối với bị đơn Công ty TNHH T về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

[8]. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, chi phí tố tụng khác: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Toà án chấp nhận. Vì vậy, bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 306 Luật thương mại;

Căn cứ các Điều 91, 94, 95 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ các Điều 335, 336, 339, 342, 345 Bộ luật dân sự;

Căn cứ các Điều 30, 35, 39, 147, 227, 244, 266, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP V đối với bị đơn Công ty TNHH T về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

- Buộc Công ty TNHH T có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP V tổng số tiền tạm tính đến ngày 24/7/2025 là 678.864.860 đồng (Bằng chữ: Sáu trăm bảy mươi tám triệu tám trăm sáu mươi bốn nghìn tám trăm sáu mươi đồng). Trong đó gồm: Nợ gốc: 435.798.196 đồng; Nợ lãi trong hạn: 6.833.915 đồng; Nợ lãi quá hạn: 234.845.371 đồng; Lãi chậm trả: 1.387.378 đồng.

Kể từ ngày 25/7/2025, Công ty TNHH T còn phải tiếp tục trả lãi trên số dư nợ gốc theo mức lãi suất quá hạn các bên đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi trả xong nợ.

- Trường hợp Công ty TNHH T không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ số tiền trên thì bà Võ Thị Ngọc Q và ông Võ Văn N phải có nghĩa vụ trả nợ thay cho Công ty TNHH T đối với phần không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ.

2. Về án phí sơ thẩm và chi phí tố tụng:

2.1. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Công ty TNHH T phải chịu 31.154.600đồng (Ba mươi mốt triệu một trăm năm mươi bốn nghìn sáu trăm đồng).

- Thi hành án dân sự Thành phố H hoàn trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền 12.498.000đồng (mười hai triệu bốn trăm chín mươi tám nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu ký hiệu BLTU/24 số 0002476 ngày 22/8/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một.

2.2. Về chi phí tố tụng: Công ty TNHH T phải nộp 4.000.000đồng (bốn triệu đồng) để hoàn trả cho Ngân hàng TMCP V đã tạm nộp.

3. Đương sự có mặt tại Tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án

trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định.

4. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu HS, Tòa.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Lê Văn Thiện